

II- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI. CON NGƯỜI

1. Về định hướng phát triển văn hoá

Trong vấn đề phát triển văn hóa. Cương lĩnh năm 1991 nêu:

- Một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá: làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ...

- Định hướng xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ.

- Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém.

- Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

- Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Những nội dung cơ bản được phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng gồm:

- Khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc; xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Làm cho văn hoá thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Xác định sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho

sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Nhân mạnh phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc (Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khoá IX).

- Chủ trương xã hội hoá hoạt động văn hoá (Đại hội X).

- Khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn học, nghệ thuật; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện định hướng phát triển văn học, nghệ thuật thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ; bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ (Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khoá X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”).

- Tiếp tục hoàn thiện định hướng phát triển hệ thống thông tin đại chúng, xuất bản, nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hoá, năng lực vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật của hệ thống thông tin đại chúng (Đại hội X).

- Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hoá; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với văn hoá.

Những kết quả cơ bản đạt được trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Cương lĩnh năm 1991 là:

- Văn hóa tiếp tục phát triển đa dạng, đúng hướng, gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực của đời sống, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

- Từng bước hình thành những nét mới trong chuẩn mực văn hoá, trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ mới.

- Văn học, nghệ thuật có bước tiến bộ, xuất hiện một số tác phẩm có giá trị.

- Thông tin đại chúng phát triển nhanh về số lượng, phong phú về loại hình; chất lượng từng bước được nâng lên...

- Xã hội hoá hoạt động văn hoá được triển khai; thị trường sản phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật đang hình thành.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được triển khai rộng rãi; đời sống tinh thần và trình độ hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Tính chủ động, tích cực, sáng tạo của quần chúng được phát huy.

- Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hoá có tiến bộ. Thể chế hoá có bước tiến, tạo hành lang pháp lý phù hợp, thông thoáng cho hoạt động văn hoá.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu sau:

- Có một số biểu hiện của tư tưởng “duy kinh tế”, xem nhẹ văn hoá hoặc tư tưởng “duy văn hoá”, tách rời văn hoá với kinh tế.

- Lúng túng trong nhận thức và tổ chức thực hiện xã hội hoá hoạt động văn hoá; trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hoá, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục.

- Sự phát triển văn hoá chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Chưa góp phần tương xứng, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt trong xây dựng con người. Môi trường văn hoá còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự thoái hoá đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

- Đầu tư cho phát triển văn hoá chưa tương xứng, ít hiệu quả: một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi; hệ thống thiết chế văn hoá chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, còn nghèo nàn, ít những công trình có tầm vóc.

- Văn học, nghệ thuật còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; lý luận phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế; hoạt động sáng tác, trình diễn, quảng bá còn nhiều sai sót.

- Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều bất cập: một số cơ quan báo chí chưa thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, có biểu hiện thương mại hoá...

- Thị trường các sản phẩm văn hoá còn sơ khai, tự phát.

- Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ văn hoá chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hoá trong thời kỳ mới.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá thiếu chiều sâu, chưa vững chắc. Có biểu hiện hình thức: mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân chênh lệch; ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp.

- Việc giới thiệu, quảng bá văn hoá Việt Nam ra nước ngoài còn nhiều hạn chế; việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá nhân loại chưa được quan tâm chỉ đạo.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hoá còn nhiều khuyết điểm; chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, thể chế hoá còn nhiều lúng túng, nhiều quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chậm hoặc không đi vào cuộc sống.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định, làm giàu thêm các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về định hướng xây dựng nền văn hóa. Đó là các luận điểm về:

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Khẳng định tính nhân văn, dân chủ, tiến bộ; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém...

- Xây dựng nền văn hóa phong phú, đa dạng (nhấn mạnh thêm về tính thống nhất trong đa dạng)...

2. Về giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh năm 1991 trình bày định hướng về giáo dục và đào tạo như một bộ phận trong định hướng về phát triển kinh tế. Những nội dung chủ yếu được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991 như sau:

- Vị trí của giáo dục và đào tạo: cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo: phát triển giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới.

- Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo: thực hiện giáo dục phổ cập, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Quá trình phát triển nhận thức chính qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng về giáo dục và đào tạo gồm:

- Sứ mạng của giáo dục và đào tạo: Phát triển giáo dục đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; chính sách phát triển giáo dục và đào tạo: Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII).

- Vai trò của giáo dục và đào tạo: “Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội”; trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo: “Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân” (Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII).

- “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người” (Đại hội IX).

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo: “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”; “cả nước trở thành một xã hội học tập”¹. (Đại hội IX).

Kết quả tổ chức thực hiện chủ trương về giáo dục và đào tạo gồm những nội dung chủ yếu:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần II, tr. 86.

- Đầu tư tăng, quy mô giáo dục và đào tạo được mở rộng.

- Đổi mới giáo dục được triển khai, xã hội hoá giáo dục từng bước được thực hiện.

- Công tác quản lý có một số tiến bộ: chất lượng giáo dục, đào tạo có mặt được nâng lên.

Những hạn chế, yếu kém chủ yếu là:

- Giáo dục và đào tạo chưa được đầu tư tương xứng với vai trò quốc sách hàng đầu: chưa gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp.

- Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo thiếu tầm nhìn xa và cơ sở khoa học vững chắc; đổi mới giáo dục và đào tạo còn lúng túng, chắp vá, ít hiệu quả.

- Lý tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận thế hệ trẻ không phù hợp với chuẩn mực xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; chưa phục vụ hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế của đất nước.

- Quản lý giáo dục còn lúng túng; chưa tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định và làm phong phú thêm, chính xác hóa, bổ sung một số luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về vị trí của giáo dục và đào tạo:

+ Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định: phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ, phải được xem là quốc sách hàng đầu; bổ sung thêm nội dung “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển”¹.

+ Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung thêm nội dung: “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam”².

- Về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo:

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “*Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới”³.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nâng luận điểm này lên cao hơn: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội: nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 77.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd*, phần I, tr. 416.

tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời”¹.

3. Về khoa học, công nghệ và môi trường

Đối với các định hướng phát triển khoa học, công nghệ và môi trường, Cương lĩnh năm 1991 cũng trình bày trong phần định hướng kinh tế, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Khẳng định vị trí của khoa học, công nghệ cùng với giáo dục, đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

- Xác định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ: trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế.

- Định hướng chiến lược khoa học, công nghệ: nhằm mục tiêu công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước.

- Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hoá, nâng cao dân trí.

- Xác định phải tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 77.

môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều nhận thức mới về khoa học, công nghệ và môi trường:

- Khẳng định khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức (Đại hội X).

- Hoàn thiện các quan điểm chỉ đạo đối với khoa học và công nghệ: khẳng định là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của các ngành, các cấp; là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh; là sự nghiệp cách mạng của toàn dân: phát huy năng lực nội sinh kết hợp với tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ thế giới... (Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII).

- Xác định rõ hơn định hướng phát triển công nghệ; hình thành thị trường khoa học và công nghệ; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (Nghị quyết Trung ương 6 khoá IX).

- Khẳng định "Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"¹ (Đại hội IX).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd. phần II, tr. 88.

- Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ (Đại hội VIII). Tăng vốn đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ (Đại hội IX). Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (Đại hội X).

- Nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái được nâng cao hơn, cụ thể hơn, bức thiết hơn; hình thành quan điểm phát triển bền vững gắn giữa phát triển kinh tế với xã hội, với môi trường. Xác định rõ các quan điểm: bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững; là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người... (Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước).

Trong tổ chức thực hiện chủ trương về khoa học, công nghệ và môi trường, đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ được nâng cao hơn trong toàn xã hội, trong các cấp lãnh đạo, quản lý.

- Khoa học (cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội)

và công nghệ ngày càng phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vào sự phát triển của đất nước.

- Tiềm lực khoa học, công nghệ được phát huy: một số ít chuyên ngành, lĩnh vực đạt trình độ quốc tế. Đầu tư cho khoa học, công nghệ được tăng cường.

- Thị trường công nghệ đang hình thành.

- Công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ từng bước được đổi mới.

- Công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh hơn.

Bên cạnh đó là những hạn chế, yếu kém chủ yếu cần khắc phục:

- Về nhận thức, trong lãnh đạo, quản lý và tham mưu các cấp còn nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ, sự cấp thiết phải ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh và công tác quản lý.

- Khoa học, công nghệ chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, chưa đóng vai trò then chốt trong sự phát triển đất nước; đóng góp của khoa học, công nghệ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước còn thấp.

- Trình độ nền kinh tế, trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trình độ khoa học, công nghệ nhìn chung còn thấp; đầu tư cho khoa học, công nghệ (cả của Nhà nước, của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, của xã hội...) còn thấp, sử dụng hiệu quả chưa cao, do đó chưa tạo được "cầu" đủ lớn mạnh để cuốn hút, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Công tác lãnh đạo, quản lý khoa học, công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương chưa thể hiện rõ sự gắn kết hữu cơ giữa xác định mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ với cấp kinh phí, với định hướng ứng dụng cụ thể nhằm làm tăng chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế, của các sản phẩm hàng hoá.

- Cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp và cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chưa được đổi mới đồng bộ, chưa tạo được sự gắn bó hữu cơ, có hiệu quả cao giữa nhà đầu tư, nhà cấp kinh phí (mà Nhà nước là chủ yếu) với nhà hoạt động khoa học, công nghệ và với nhà ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, chưa xử lý được mối quan hệ lợi ích hợp lý, thoả đáng giữa các chủ thể này từ kết quả và hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức chậm, lạc hậu so với thực tiễn; thiếu kiên quyết, thiếu giải pháp cụ thể, thiếu nguồn lực để xử lý những cơ sở, những địa bàn bị ô nhiễm nghiêm trọng; môi trường sinh thái, môi trường tự nhiên ở nhiều nơi đang bị xuống cấp, bị huỷ hoại gây ra những hậu quả to lớn, khó lường, lâu dài về nhiều mặt.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định, phát triển nội dung:

- Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí.

- Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, tiếp thu và sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

Đồng thời, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số luận điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch” và “tiêu dùng sạch”.

- Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

- Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

4. Về định hướng chính sách xã hội

Nội dung chủ yếu về định hướng chính sách xã hội được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991:

- Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng cơ bản là thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng...; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, đời sống vật chất - đời sống tinh thần, nhu cầu trước mắt - lợi ích lâu dài; cá nhân - tập thể - cộng đồng xã hội.

- Các chính sách bảo đảm không ngừng *nâng cao đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội (ăn, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, việc làm, thu nhập...).

- Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động.

- Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ, thanh thiếu niên; chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; coi việc giảm tốc độ dân số là một quốc sách, thiết lập hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; phát triển các công trình phúc lợi xã hội, nhà ở.

- Có chính sách thích đáng với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, người về hưu. Chăm lo đời sống người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động, trẻ mồ côi.

- Định hướng xây dựng cộng đồng xã hội văn minh; phát triển giai cấp công nhân, xây dựng giai cấp nông dân, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức, đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những người quản lý giỏi, các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao; quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà"; động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

- Thực hiện bình đẳng nam nữ; chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển...

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng...

Qua các nhiệm kỳ Đại hội đến nay, Đảng đã có những bổ sung, phát triển chủ yếu sau:

- Hoàn thiện mục tiêu chiến lược phát triển đất nước, gắn mục tiêu dân giàu, nước mạnh với xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (Đại hội IX).

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, ở từng địa phương; thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển (Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII).

- Tiếp tục hoàn thiện tư tưởng chiến lược phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; chú trọng bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; coi trọng đoàn kết dân tộc, tôn giáo, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài...

- Tiếp tục hoàn thiện định hướng xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (các Nghị quyết Trung ương 6, 7 khoá X).

- Hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân.

- Tiếp tục đổi mới nhận thức trong định hướng chính sách phân phối, chính sách tiền lương, xây dựng hệ thống an sinh xã hội (bảo hiểm, hỗ trợ, ưu đãi xã hội...).

- Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu chính đáng theo pháp luật đi đôi với xoá đói, giảm nghèo...

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tồn tại lâu dài; đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo...

Trong thực tiễn, những nội dung định hướng về chính sách xã hội của Cương lĩnh năm 1991 đã được đưa vào cuộc sống và đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được củng cố, đồng thuận xã hội được tăng cường.

- Cơ cấu xã hội chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Các nguồn lực xã hội được khai thác, phát huy có hiệu quả hơn.

- Xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa đạt được những kết quả quan trọng; an sinh xã hội có tiến bộ; chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, công tác dân số - gia đình - trẻ em có nhiều cố gắng; đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội đạt được kết quả nhất định.

- Bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ đạt được những thành tựu lớn.

Bên cạnh đó, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu như:

- Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa nhu cầu trước mắt và lợi ích lâu dài; giữa lợi ích cá nhân với tập thể cộng đồng. Xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức chưa được quan tâm đúng mức. Phân hoá về lợi ích, phân tầng xã hội có chiều hướng tăng. Nhiều vấn đề dân sinh bức xúc chậm được giải quyết có hiệu quả. Tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn phức tạp.

- Thu nhập bình quân đầu người còn thấp; phân hoá thu nhập ngày càng tăng; một bộ phận nhân dân đời sống còn nhiều khó khăn (đặc biệt ở nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

- Kết quả đạt được về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ chưa toàn diện.

- Việc đổi mới tư duy về những vấn đề xã hội chậm hơn so với đổi mới tư duy kinh tế. Chưa nhận thức sâu sắc, quan tâm đầy đủ, đầu tư đúng tầm đối với các vấn đề xã hội.

- Luật pháp và các cơ chế, chính sách bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội chưa đồng bộ; chưa tạo cơ hội.

điều kiện cho mọi người được thụ hưởng đầy đủ các thành quả của phát triển kinh tế.

Trong việc định hướng đối với chính sách xã hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời viết gọn lại và có những bổ sung, phát triển sau:

- Vị trí của chính sách xã hội:

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (khẳng định này nhắc lại khẳng định trong Cương lĩnh năm 1991, chỉ diễn đạt lại cho chuẩn xác hơn).

- Mối quan hệ của chính sách xã hội với kinh tế:

Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

So với Cương lĩnh năm 1991, luận điểm này được trình bày chặt hơn, mở rộng hơn: Bổ sung thêm “phát triển văn hóa, xã hội”; thay “ tiến bộ xã hội” bằng “ tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”.

Đây không chỉ là một bước tiến về mặt nhận thức trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới mà còn là một bước tiến về cách làm, trong hành động.

- Chính sách đối với đời sống của nhân dân:

+ Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; **phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần**, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, **gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.**

+ Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và **thu nhập tốt hơn**. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội; **giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư.**

+ Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước.

+ Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi.

+ **Hạn chế, tiến tới đẩy lùi và giảm tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.**

Các tư tưởng chỉ đạo nêu trong phần này về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, nhưng diễn đạt, trình bày

mới hơn, có bổ sung, phát triển như thể hiện bởi các từ in đậm.

Chú ý một số điểm:

Phát triển chủ trương “Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động”¹ (Cương lĩnh năm 1991) thành “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững”².

Phát triển chủ trương “thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội”³ (Cương lĩnh năm 1991) thành “hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”⁴.

Bổ sung chủ trương: “Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số”⁵.

· Chính sách đối với các giai tầng xã hội:

+ Hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây bổ sung từ “bình đẳng”- một yêu cầu quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 416, 417.

2, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 79, 80.

+ Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung cả cụm từ “là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam”¹ để khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

+ Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “vai trò chủ thể” nhằm nâng cao vị thế của giai cấp nông dân.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây đã bổ sung cụm từ “sức sáng tạo”, một đặc trưng quan trọng của đội ngũ trí thức cần phát huy.

+ Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 80.

+ Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước.

So với Cương lĩnh 1991, đây là luận điểm mới được bổ sung trong phần này.

+ Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

+ Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ **đồng bào định cư ở nước ngoài** ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung luận điểm về đồng bào định cư ở nước ngoài.

+ Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Đoạn này diễn đạt chi tiết hơn Cương lĩnh năm 1991.

+ Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng*, *tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn

giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Xuất phát từ tổng kết thực tiễn xử lý vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình đổi mới, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm cụm từ “theo quy định của pháp luật” nhằm khẳng định vai trò của pháp luật trong giải quyết vấn đề này, đề cao pháp luật, tính khách quan.

5. Về định hướng chính sách xây dựng con người

Trong lý luận về chủ nghĩa xã hội, vấn đề con người và giải phóng con người luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Chính vì vậy, trong Cương lĩnh năm 1991 đã đặt vấn đề con người là một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng: giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Trong định hướng xây dựng con người, Cương lĩnh năm 1991 trình bày:

- Xác định con người Việt Nam trong thời kỳ mới là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính.

- Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân là phương hướng lớn của chính sách xã hội.

- Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*.

Quá trình phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng về vấn đề con người, phát triển những nội dung chủ yếu sau:

- Ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về nhân tố con người. Đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Giải phóng con người gắn liền và nằm trong tiến trình giải phóng dân tộc.

- Đề cao quyền con người và quyền làm chủ của nhân dân (Đại hội IX).

- Phát huy nhân tố con người và phát triển nguồn nhân lực gắn với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục cụ thể hoá, bổ sung năm đức tính của con người Việt Nam trong thời kỳ mới (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi (Đại hội X).

Trong quá trình thực hiện chủ trương của Cương lĩnh năm 1991 về xây dựng con người, chúng ta đã thu được những thành tựu chủ yếu:

- Dân chủ xã hội được mở rộng; quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng; năng lực, sáng kiến cá nhân được phát huy, góp phần quan trọng giữ vững ổn định, phát triển kinh tế, xã hội.

- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; xoá đói, giảm nghèo đạt được những kết quả quan trọng; chỉ số phát triển con người Việt Nam ngày càng cao.

- Những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam tiếp tục được bồi đắp, phát huy.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện chủ trương xây dựng con người vẫn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Còn có biểu hiện xem nhẹ yếu tố con người và nguồn nhân lực trong đầu tư phát triển, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và lợi ích chính đáng của cá nhân; có biểu hiện tuyệt đối hoá cá nhân, lợi ích cá nhân, tự do cá nhân; chưa thấy hết trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội đối với việc xây dựng con người.

- Còn lúng túng trong công tác giáo dục, xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

- Điều kiện bảo đảm chăm lo nâng cao chất lượng cuộc sống của con người (học hành, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi, giải trí,...) còn nhiều hạn chế.

- Mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đã gây một số tác động tiêu cực; còn lúng túng

trước sự biến động phức tạp của một số giá trị trong nhân cách con người dẫn đến sự xuống cấp của đạo đức xã hội.

Về vấn đề con người, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những bổ sung, phát triển sau:

- Về vị trí của vấn đề xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định thái độ coi trọng vấn đề con người để khắc phục tình trạng còn coi nhẹ như trên đã trình bày:

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Về trách nhiệm xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người (như khẳng định của Cương lĩnh năm 1991).

+ Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường **rèn luyện** phong cách **làm việc** có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, **bồi đắp** tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá **Việt Nam** (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

- Về những phẩm chất cần xây dựng:

Theo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), con người cần xây dựng phải có những phẩm chất: “giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính”¹ (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

Cùng với việc xây dựng con người là việc xây dựng gia đình: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”² (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, thêm cụm từ “hạnh phúc”).

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng, an ninh

Cương lĩnh năm 1991 xác định nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là: “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 76-77.

âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”¹.

- Khẳng định bốn quan điểm, chủ trương lớn:

+ “Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ”².

+ “Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại”³.

+ “Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 419-420.

chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân”¹.

+ “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân”².

Các luận điểm trên đây của Cương lĩnh năm 1991 đã được Đảng phát triển, bổ sung qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng như:

1. 2. *Sđđ.* phần I, tr. 420.

- Xác định sáu mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay: *một là*, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *hai là*, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; *ba là*, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; *bốn là*, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; *năm là*, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; *sáu là*, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

- Xác định đầy đủ hơn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là: “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ”¹ (Đại hội X).

- Đảng ta đã có nhận thức mới về “bạn - thù”, “địch - ta” “đối tác - đối tượng” (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

1. *Sđd*, phần II, tr. 373.

- Khẳng định rõ các quan điểm, phương châm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:

+ Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Tổ quốc, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

+ Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với nền tảng là “thế trận lòng dân”, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân.

+ Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

+ Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ; coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

+ Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

+ Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

Trên thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, các chủ trương về quốc phòng, an ninh đã được thực hiện với những thành tựu chủ yếu là:

- Thành tựu cơ bản, bao trùm là giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội và trật tự an toàn xã hội.

- Đã xây dựng Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX); Chiến lược

bảo vệ an ninh quốc gia (Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VIII).

- Xây dựng và củng cố được thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước và của nhân dân.

- Đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hoá hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước, không để bên ngoài lấy cớ can thiệp; đẩy lùi các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Đã nâng cao một bước nhận thức và trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh cho toàn Đảng, toàn dân, cho các cấp, các ngành.

- Đã hình thành và từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu kể trên, còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu là:

- Nhận thức và hành động trong Đảng, trong xã hội về một số mặt trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa thống nhất (vấn đề đối tác, đối tượng, sự phối hợp giữa hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại...), chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai

nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, có tư tưởng coi đây là trách nhiệm riêng của quân đội, công an.

- Công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược chưa đáp ứng được yêu cầu; có lúc, có nơi còn dễ xảy ra bị động, bất ngờ...

- Chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang còn hạn chế ...

- Chế độ, chính sách đối với các lực lượng vũ trang ở biên giới, hải đảo còn nhiều bất cập.

- Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

Kế thừa nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản tiếp tục các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về quốc phòng, an ninh, đồng thời có một số bổ sung, phát triển.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh:

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa (bổ sung “Đảng”, “Nhà nước” so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

+ Chủ động ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta (so với Cương lĩnh 1991, nhấn mạnh thêm “chủ động”).

- Về trách nhiệm đối với quốc phòng, an ninh:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định việc tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của **Đảng**, Nhà nước và toàn dân, trong đó **Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt**. Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm trách nhiệm của Đảng, Quân đội và Công an.

- Về mối quan hệ giữa quốc phòng với an ninh, kinh tế:

+ Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch**, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và **trên từng địa bàn**.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh hơn yêu cầu gắn chặt quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội (trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trong từng địa bàn**).

- Định hướng xây dựng nền quốc phòng, an ninh:

+ Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. **Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.**

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là luận điểm về chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

+ Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, ban chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất,

tin thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

+ Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, **an ninh**, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung thêm nội dung “an ninh” vào nền “công nghiệp quốc phòng”.

+ Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung thêm luận điểm về tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

2. Về định hướng chính sách đối ngoại

Cương lĩnh năm 1991 xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹.

1. *Sđđ*, phần I, tr. 411.

Về mục tiêu của chính sách đối ngoại, Cương lĩnh khẳng định: “tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹.

Cương lĩnh đưa ra bảy định hướng lớn về chính sách đối ngoại:

+ “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”².

+ “Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương”³.

+ “Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hoà bình thế giới và tiến bộ xã hội”⁴.

+ “Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và phong trào Không liên kết vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển”⁵.

1, 2, 3, 4, 5. *Sđd*, phần I, tr. 411, 420-421.

+ “Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình và hợp tác”¹.

+ “Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển”².

+ “Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển”³...

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có rất nhiều bổ sung, phát triển. Hội nghị Trung ương 3 khoá VII đã ra nghị quyết chuyên đề về đối ngoại; các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X đã phát triển thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển.

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX phát triển quan điểm về mục tiêu của công tác đối ngoại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại gồm ba vế: (1) Giữ vững môi trường hoà bình; (2) Tạo và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới,

1, 2, 3. *Sđd*, phần I, tr. 421.

công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; (3) Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII đã xác định tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ.

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại của ta là: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; quán triệt đường lối độc lập tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc; lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII nêu bốn phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế: *Một là*, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. *Hai là*, giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường,

dẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. *Ba là*, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. *Bốn là*, tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội X nhấn mạnh phương châm phát triển công tác đối ngoại nhân dân là: “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”¹. Trong mở rộng quan hệ về mặt Nhà nước, chúng ta tuân thủ các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cưỡng quyền. Đây là các nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, và cũng là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc ta. Các nguyên tắc này phù hợp với lợi ích của dân tộc ta, đất nước ta.

Trong quan hệ đối ngoại của Đảng và các đoàn thể, tổ chức nhân dân (đối ngoại nhân dân), chúng ta thực hiện các nguyên tắc: độc lập tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau; không can thiệp công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Ta không quan hệ với các đảng, tổ chức cực đoan.

1. *Sđd.*, phần II, tr.376.

Đại hội IX của Đảng ta đã nhận định: “Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”¹. Để phát triển, nước ta không thể đứng ngoài quá trình toàn cầu hoá kinh tế mà phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường. Đây là một nội dung rất quan trọng của đường lối đối ngoại trong điều kiện quá trình toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ.

“Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước”² (Đại hội X).

1, 2. *Sđd*, phần II, tr. 51, 378.

Trong tổ chức thực hiện, các chủ trương, đường lối mà Cương lĩnh năm 1991 đề ra trên lĩnh vực đối ngoại đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Thực hiện thành công đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển của giai đoạn đổi mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng với tất cả các nước; mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân; gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực; nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới.

- Góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; từng bước giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thành tựu trên, Trung ương cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với nhiều chủ thể quan hệ quốc tế chưa bền vững.

- Ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới chưa tương xứng với vị trí, vai trò của nước ta.

- Chưa có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động về một số vấn đề đối ngoại.

- Sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa hoạt động quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại, giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hoá đối ngoại, giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, đồng bộ.

- Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại chưa sâu (nhất là về các nước lớn).

Trên cơ sở tiếp thu về nhận thức và hoạt động thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung, luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mục tiêu đã được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991, nhưng *diễn đạt cụ thể hơn*: nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Về các định hướng đối ngoại:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập**

quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

+ Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

+ Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng **cánh tả, đảng cầm quyền** và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

Trong các định hướng trên, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có rất nhiều điểm mới, bổ sung như: đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi

với tất cả các nước; quan hệ với các đảng **cánh tả, các đảng cầm quyền...**

Đây là những điểm kế thừa của đường lối, chủ trương đối ngoại trong suốt quá trình đổi mới 20 năm qua.

Cương lĩnh xác định rõ hơn cơ sở của sự hợp tác: Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Phần thứ ba

VỀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I- CÁC ĐỊNH HƯỚNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

1. Xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 1991 xác định dân chủ là đặc trưng thứ nhất trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng (“do nhân dân lao động làm chủ”), đồng thời, khẳng định:

- Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân...; xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện

nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp.

- Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

- Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, vấn đề dân chủ tiếp tục được bổ sung, phát triển với các nội dung chủ yếu:

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân (Đại hội IX).

- Xác định “do nhân dân làm chủ”, thay cho “do nhân dân lao động làm chủ” (Đại hội X).

- Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Nhà nước, đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Mọi đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân.

Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội (Đại hội X).

- Thực hiện các cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định; làm chủ thông qua các cơ quan dân cử, các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp; làm chủ trực tiếp ở cơ sở, bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng; khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức (Đại hội X).

- Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (tức là gắn dân chủ với quyền con người) (Đại hội X).

Trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối về dân chủ, những thành tựu chủ yếu đạt được là:

- Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta có nhiều đổi mới theo hướng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn.

Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở.

Các cấp uỷ đảng xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, thể hiện tinh thần dân chủ.

Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp phát huy dân chủ, đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân...

- Các yêu cầu và nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bước đầu được thể chế hoá thành luật, pháp lệnh, nghị định và tổ chức thực hiện. Thành tựu rõ nét nhất là việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, thể hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Quyền ứng cử, lựa chọn trong bầu cử, giám sát đại biểu được thực hiện có hiệu quả hơn. Quyền của công dân tham gia vào các công việc Nhà nước và xã hội, xây dựng các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước được mở rộng và có tiến bộ hơn. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được tăng lên.

Những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong thực hiện chủ trương dân chủ trong thực tiễn là:

- Chủ trương của Đảng là xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, song trong cuộc sống thực tế vai trò của dân, của con người còn hạn hẹp, thụ động, chưa thể hiện rõ chính dân là người tạo ra, làm nên nền dân chủ và kiểm soát việc thực hành dân chủ.

- Chưa quy định được một cách cụ thể và đầy đủ các quyền dân chủ của nhân dân. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi còn bị vi phạm.

- Còn không ít biểu hiện dân chủ hình thức, nhất là trong bầu cử.

- Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn trọng dân chủ và thực hành dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức.

- Công tác kiểm tra, phát hiện và uốn nắn những sai lầm, hạn chế trong thực hành dân chủ của các cấp chưa chặt chẽ và thường xuyên, hiệu quả thấp.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về dân chủ và kỷ luật chưa tốt. Một bộ phận nhân dân kém hiểu biết về chính sách, pháp luật, thiếu ý thức trách nhiệm công dân, dễ bị kích động, lợi dụng, đã có những hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng không tốt đến an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

- Về vị trí, vai trò của dân chủ: *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

Nhiệm vụ xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

+ Bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống.

+ Phải thực hiện dân chủ ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực...

+ Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương; quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

+ Dân chủ phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm; quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và luật quy định.

+ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là làm rõ, đầy đủ hơn các mối quan hệ; khẳng định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực; dân chủ phải được thực hiện ở mỗi cấp; dân chủ gắn với nhân quyền (quyền con người); Nhà nước chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người...

2. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân,

do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Là tổ chức thực hiện và thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

- Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó.

Sau Cương lĩnh năm 1991, vấn đề Nhà nước nói chung, đặc biệt về Nhà nước pháp quyền, đã được thảo luận trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Thuật ngữ “Xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (năm 1991). Phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam được khẳng định tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, sau đó được phát triển và cụ thể hoá qua các Đại hội tiếp theo. Cụ thể như sau:

- Năm quan điểm cơ bản trong xây dựng Nhà nước pháp quyền là: (1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (2) Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân; (3) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; (4) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước; (5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (Hội nghị Trung ương 8 khoá VII).

- Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII).

Tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (Đại hội IX và X).

Những thành tựu chủ yếu trong tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đến nay là:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh; chuyển từ Nhà nước trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh theo kế hoạch pháp lệnh sang Nhà nước quản lý bằng pháp luật và xã hội hoá một số công việc của Nhà nước.

- Bộ máy nhà nước đã được kiện toàn một bước, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội được đổi mới, cải cách hành chính và cải cách tư pháp được tiến hành đạt một số kết quả. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Ban hành Hiến pháp năm 1992 và được sửa đổi, bổ sung năm 2001.

- Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội và nhân dân được xác định rõ hơn; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước từng bước được đổi mới; mối quan hệ của Nhà nước với các đoàn thể và nhân dân được thể chế hoá một bước.

- Những luận điểm của Đảng về Nhà nước đề cập trong Cương lĩnh và bổ sung, phát triển qua các nhiệm kỳ Đại hội đã được thể chế hoá trong Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và trong các đạo luật cụ thể. Tính chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc phân công quyền lực đã được khẳng định tại Điều 2 của Hiến pháp.

Tuy vậy, trong thực tiễn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong vấn đề xây dựng Nhà nước là:

- Nội hàm của các nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong đó có ba vấn đề cốt lõi mang bản chất của Nhà nước ta là: hoạt động của bộ máy nhà nước phải thực sự dân chủ; Nhà nước phải chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, chưa được làm rõ và quán triệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, nên lúng túng trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trên thực tế.

- Quan niệm chưa thật rõ về sự thống nhất quyền lực nhà nước, về sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong thực tế còn có sự chồng chéo, không khớp về trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan đó. Vai trò, vị thế của toà án còn yếu, không tương xứng với chức năng bảo vệ công lý.

- Cải cách bộ máy nhà nước, đặc biệt là cải cách hành chính, cải cách tư pháp thực hiện còn chậm. Bộ máy hành chính còn nhiều bất hợp lý về cơ cấu tổ chức, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước còn yếu và chưa thông suốt. Tính chủ động, ý thức trách nhiệm của từng địa phương chưa được phát huy đầy đủ.

- Nguyên tắc tập-trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chưa được thực hiện nhất quán.

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao; kỷ cương phép nước còn bị xem nhẹ ở nhiều nơi; tệ cửa quyền, quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản tiếp tục khẳng định các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có kế thừa những bổ sung, phát triển một số nội dung khi bàn về bản chất của Nhà nước, quan hệ giữa ba quyền của Nhà nước... qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Cụ thể:

- Về bản chất của Nhà nước ta:

+ Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đây là điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991.

+ Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

+ Nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Về quan hệ giữa ba quyền cơ bản của Nhà nước:

+ Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cương lĩnh năm 1991 đã nêu về ba quyền, nhưng chỉ nói đến sự phân công thực hiện ba quyền đó, chưa đề cập tới sự phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện những quyền này. Tuy nhiên, Cương lĩnh năm 1991 đã có nhận thức về ba quyền này. Điều này chứng tỏ, lúc đó vấn đề Nhà nước pháp quyền đã được thảo luận tuy chưa có sự thống nhất cao để có thể đưa vào Cương lĩnh.

+ Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Về quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân: Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, Cương lĩnh năm 1991 khẳng định như sau:

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

- Các đoàn thể nhân dân vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ,

tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều nhận thức mới, bổ sung về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, chủ yếu như:

- Đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn ý nghĩa và vai trò của “đoàn kết toàn dân”, “đại đoàn kết toàn dân”, “đại đoàn kết toàn dân tộc”.

- Xác định tính chất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là “một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo”¹. Đồng thời, chỉ ra Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân (Đại hội VIII).

- Xác định rõ hơn vai trò của Mặt trận và các đoàn thể là: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống... Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

1. *Sđd*, phần I, tr. 707.

thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”¹.
(Đại hội X).

- Xác định rõ trách nhiệm của Đảng, chính quyền là: “Các cấp uỷ đảng và chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng và Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị”² (Đại hội X).

Trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nước ta, đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Nhà nước đã thể chế hoá Nghị quyết Đại hội VIII và ban hành Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Bình đẳng giới và nhiều đạo luật khác liên quan đến vai trò, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em...

- Mở rộng về tổ chức, quy định thêm “tổ chức xã hội - nghề nghiệp” cũng trong thành phần của liên minh chính trị.

1, 2. *Sđd*, phần II, tr. 384 -385.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã có đổi mới về tổ chức, bộ máy; về nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp các tầng lớp nhân dân; phát huy dân chủ; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, địa bàn dân cư; tập hợp, vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân vừa bằng phong trào, vừa bằng tổ chức, tăng cường sự đồng thuận trong nhân dân.

- Việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tiến hành từ sau khi có Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở một số đối tượng đã được quy định trong chính sách, luật pháp. Hoạt động giám sát chủ yếu ở cơ sở.

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền đã thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, nghe ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về những vấn đề xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật.

Ngoài ra, trong công việc này còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Chưa có nhận thức thật rõ và thống nhất về tính chất, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị (Mặt trận Tổ quốc là liên minh chính trị, đồng thời lại là liên hiệp tự nguyện của rất nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp); về tính chất của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp...

- Tư tưởng nhân dân làm chủ trong cơ chế vận hành của hệ thống chính trị chưa được nhận thức đầy đủ và chưa thể hiện rõ trong thực tế.

- Tính tự chủ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa được tôn trọng đầy đủ.

- Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân chưa khắc phục được tình trạng hành chính hoá, bệnh hình thức.

- Chưa xây dựng được cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991, có bổ sung, phát triển, trình bày rõ, chặt chẽ hơn nhiều điểm về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân. Cụ thể như:

- Về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân:

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh.

+ Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, **liên hiệp tự nguyện** của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và **người Việt Nam định cư ở nước ngoài** (so với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “liên hiệp tự nguyện”; nhấn mạnh thêm yếu tố “người Việt Nam định cư ở nước ngoài”).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Về các đoàn thể nhân dân:

+ Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên **chấp hành luật pháp, chính sách** (đây là điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới.

+ Tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Thái độ của Đảng, Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện **vai trò giám sát và phản biện xã hội** (so với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung thêm “vai trò giám sát và phản biện xã hội”).

II- VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về Đảng Cộng sản Việt Nam

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 viết như sau:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

- Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều bổ sung, phát triển về Đảng, chủ yếu như:

- Về bản chất của Đảng: đã bổ sung và xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”¹ (Đại hội X).

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Trên cơ sở khẳng định của Cương lĩnh năm 1991 “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”², đã phát triển nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh là “một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”³. Đây là bước phát triển quan trọng tiếp theo trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta (Đại hội IX).

1, 3. *Sđd*, phần II, tr. 389, 66.

2. *Sđd*, phần I, tr. 423.

- Về phương thức lãnh đạo của Đảng: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị thông qua tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên hoạt động trong hệ thống chính trị (Đại hội IX, X).

Trên thực tế, Đảng đã đạt được những thành tựu chủ yếu là:

Vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội tiếp tục được thể chế hoá trong Hiến pháp năm 1992: “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (Điều 4, Hiến pháp năm 1992).

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội về Đảng, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) trình bày các nội dung:

- Về bản chất của Đảng:

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng:

+ Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Về nguyên tắc tổ chức của Đảng:

Đảng lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Về vị trí, vai trò của Đảng trong xã hội:

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

- Về phương thức lãnh đạo của Đảng:

+ Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn.

+ Bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.

+ Tổ chức, kiểm tra.

+ Bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

+ Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có

đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

+ Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Thái độ của Đảng với xã hội, nhân dân:

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Như vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), có những bổ sung, phát triển cơ bản so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Bổ sung vào Cương lĩnh cách diễn đạt bản chất của Đảng đã được Đại hội XI thông qua: “**Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc**”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 88.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây, bổ sung thêm cụm từ “đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam”.

Với diễn đạt mới về Đảng, có hai loại ý kiến đánh giá khác nhau:

+ Thứ nhất, đây là “bước lùi” của Đảng theo xu hướng “hữu khuynh”. Đảng đang xa dần bản chất giai cấp công nhân của mình, trở thành “Đảng toàn dân”...

+ Thứ hai, diễn đạt mới về Đảng là một bước tiến trên con đường đổi mới.

Việc Đại hội X đưa ra cách diễn đạt mới không đồng nghĩa với việc Đảng từ bỏ bản chất giai cấp công nhân của mình vì khẳng định “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân” được đặt lên trên, cũng như trong khẳng định “đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc” thì cụm từ “giai cấp công nhân” vẫn được đặt lên trước.

Trong thực tế hiện nay bắt đầu và chắc chắn càng về sau này, theo nguyên tắc phát triển, ranh giới giữa lợi ích “giai cấp công nhân” và lợi ích của “nhân dân lao động và của dân tộc” càng nhỏ dần, ngày càng thống nhất với nhau. Vì vậy, việc đưa ra cách diễn đạt mới về Đảng là phù hợp với xu thế khách quan. Đồng thời, cách diễn đạt mới còn làm cho Đảng trở thành trung tâm của đoàn kết toàn dân, toàn dân tộc, chống tư tưởng hẹp hòi, bản vị.

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Tiếp tục khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”, đồng thời bổ sung đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh để nhấn mạnh vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh không hề có ý hạ thấp chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngược lại, việc trình bày đó càng nâng cao hơn giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin vì trong đó khẳng định vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại sự xuyên tạc về sự mâu thuẫn của tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin...

2. Về công tác xây dựng Đảng

Về công tác xây dựng Đảng, Cương lĩnh năm 1991 viết:

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải *thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, ra sức nâng cao *trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*.

- Giữ vững *truyền thống đoàn kết thống nhất* trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái.

Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao.

- Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều bổ sung, phát triển về công tác Đảng, chủ yếu như:

- Xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, đấu tranh chống suy thoái biến chất, tham nhũng, lãng phí; đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

- Điều chỉnh tiêu chuẩn đảng viên; đưa cụm từ “không bóc lột” trong tiêu chuẩn đảng viên lên phần nói về mục đích của Đảng trong Điều lệ Đảng; cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân (có điều kiện). Đảng cũng quy định 19 điều đảng viên không được làm để giữ vững bản chất của Đảng (Đại hội X).

Trên thực tế, Đảng đã đạt được những thành tựu chủ yếu là:

- Công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đảng kiên định bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được coi trọng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục đổi mới tư duy, khắc phục khuyết điểm chủ quan, duy ý chí.

- Dân chủ và đoàn kết thống nhất trong Đảng tiếp tục được phát huy. Cùng với việc cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ, các Đại hội Đảng đã có nhiều quyết định về phát huy dân chủ trong Đảng, vừa phát huy dân chủ, vừa xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cấp lãnh đạo, của mỗi người trong cấp lãnh đạo đó để cán bộ, đảng viên có thể giám sát hoạt động của cấp uỷ, ngăn ngừa và khắc phục tình trạng Đảng độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

- Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Nhiều quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng đã được xây dựng, phù hợp với yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương khoá X đã có Nghị quyết chuyên đề về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên".

- Coi trọng việc nâng cao chất lượng phát triển Đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên. Việc phát triển đảng viên mới trong công, nông, trí thức, trong các tổ chức kinh tế được chú trọng.

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Triển khai tương đối đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, từng bước nâng cao chất lượng công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ.

- Phong cách, lề lối làm việc của các cấp uỷ đảng đã từng bước được đổi mới theo hướng khoa học, công khai, dân chủ, sát cơ sở hơn.

Trong thực tiễn, hoạt động của Đảng còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu như:

- Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng và sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới còn bất cập. Không ít vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế chưa được làm sáng tỏ, như việc: thể chế hoá cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; Đảng vừa là thành viên Mặt trận, vừa lãnh đạo Mặt trận; mô hình tổ chức bộ máy của Đảng; tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới... Nội dung và phương pháp của công tác chính trị, tư tưởng chậm đổi mới, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Việc đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa chủ động, kịp thời, sắc bén.

- Sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, xa dân, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Cuộc vận động “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) chưa đạt yêu cầu. Dân chủ trong Đảng thực hiện chưa tốt. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa thực sự tạo được chuyển biến trong tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân¹.

- Công tác tổ chức còn nhiều bất cập, chưa khắc phục tốt sự chông chéo chức năng, nhiệm vụ giữa bộ máy đảng và bộ máy nhà nước. Một số vấn đề tồn tại về tổ chức bộ máy đảng chậm được giải quyết, nhất là mô hình tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng.

- Công tác cán bộ chậm đổi mới, thiếu những cơ chế, chính sách cụ thể để phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ. Chưa có cơ chế phát hiện và thu hút người tài; chưa có biện pháp khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ; chưa có cơ chế từ chức, miễn chức nhằm kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút.

1. Có ý kiến đề nghị cần cảnh báo sâu sắc hơn về những nguy cơ (tha hoá, biến chất, tham nhũng, tiêu cực) trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền.

- Sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng, có lúc, có nơi ảnh hưởng đến tính năng động sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Công tác kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả còn thấp, tình hình vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi.

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội về công tác xây dựng Đảng, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) trình bày các nội dung:

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

- Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái.

- Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Như vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những bổ sung, phát triển cơ bản so với Cương lĩnh năm 1991 là:

1 - Bổ sung hoàn chỉnh hơn phương thức lãnh đạo của Đảng.

2 - Bổ sung một số ý về yêu cầu rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức của đảng viên.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần mở đầu</i>	
MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (bổ sung, phát triển năm 2011)	11
<i>Phần thứ nhất</i>	
VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	17
I- Về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và bài học kinh nghiệm	17
II- Về bối cảnh thế giới và trong nước	24
III- Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và phương hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	35
<i>Phần thứ hai</i>	
VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRÊN CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI	52
I- Những định hướng lớn về phát triển kinh tế	52
	165

- II- Những định hướng lớn về phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường, xã hội, con người 84
- III- Những định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại 114

Phần thứ ba

**VỀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ
HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 134**

- I- Các định hướng về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền 134
- II- Về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng 152

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN MINH
ThS. TRƯƠNG DIỆP BÍCH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản: ĐÀO THỊ BÍCH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRƯƠNG DIỆP BÍCH

In 2500 cuốn, khổ 13 x 19 cm. In tại XN in ACS Việt Nam
Km 10 Phạm Văn Đồng - Dương Kinh - Hải Phòng
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 18 - 2011/CXB/58 - 110/CTQG
Giấy phép xuất bản số: 514/QĐ/NXBCTQG ngày 27/6/2011
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2011